TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 62A/2020/HS-ST
Ngày: 26/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thẩm phán.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Hòa và bà Đặng Thị Thêm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Nhật Lệ - Thư ký Toà án.

Hôm nay, ngày 26/8/2020, tại Trụ sở TAND huyện Khoái Châu mở phiên toà xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2020/HSST, ngày 03 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đư a vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 08 năm 2020 đối với bị cáo: **Nguyễn Văn A, sinh năm 1992**; Tên gọi khác: Cường; Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 6/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Nguyễn Trọng B và bà Đào Thị V; A chị em ruột: Có 02 A em, bị cáo là thứ 2; Bị cáo có vợ là Lê Thị H và có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Nguyễn Văn A đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

****/ Người bị hại*:** Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1982;

Trú tại: thôn C, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

****/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. A Lê Văn Y, sinh năm 1977;

Trú tại: Thôn M, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bà Đào Thị V, sinh năm 1962;

Trú tại: thôn C, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

****/ Những người làm chứng:***

1. Chị Lê Thị H, sinh năm 1995;

Đều trú tại: thôn C, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

2. Ông Lê Văn Q, sinh năm 1962;

3. Bà Đỗ Thanh L, sinh năm 1989.

Đều trú tại: thôn E, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do ở bên cạnh và thường sang nhà chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1982 ở thôn C, xã T, huyện K chơi nên Nguyễn Văn A được biết cửa tầng 2 nhà chị X thường không khóa. Khoảng 08 giờ ngày 22/5/2020, A đi từ tầng 2 của nhà của mình qua mái tôn, trèo qua tường bao bằng gạch cao 0,7m đi sang tum tầng 2 của nhà chị X. A mở cửa tầng 2 đi theo cầu thang xuống tầng 1, thấy gia đình chị X không có ai ở nhà nên A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. A quan sát phòng khách thấy kê Y loa đài, Amply sát tường phía dưới ban thờ nên tiến lại gần tháo 01 bộ đẩy Amply màu đen, nhãn hiệu DANHNNOK-200 và 01 đầu điện tử vang số màu đen, nhãn hiệu MUSERVOPOWERDSP - 9900 có 2 cần míc, 2 cần nhạc. A bê Bộ đẩy Amply và đầu điện tử về nhà mình theo lối đã đi vào lúc đầu. Khi đi ra đến tầng hai nhà chị X, A khép cửa gỗ lại và lấy 01 đoạn gỗ tròn dài 1,8m, đường kính 0,07m có sẵn ở trần nhà chống chặn cửa phía ngoài. Sau đó A mang Y Amply và đầu điện tử đến bán cho anh Lê Văn B, sinh năm 1977 ở thôn M, xã T, huyện K. Khi bán A nói với Anh Y những tài sản trên là của gia đình A. Anh Y tin tưởng nên đã đồng ý mua với giá 1.000.000 đồng. Số tiền trên, A đã tiêu xài cá nhân hết. Đến buổi chiều cùng ngày phát hiện tài sản bị mất, chị X có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ của A Lê Văn Y 01 Bộ đẩy Amply màu đen, nhãn hiệu DANHNNOK – 200, công suất 1000w, trọng lượng 12kg, xuất xứ từ Trung Quốc và 01 đầu điện tử vang số màu đen, nhãn hiệu MU SERVOPOWERDSP – 9900 có 02 cần mic, 02 cần nhạc, công suất 10W, xuất xứ từ Trung Quốc, đồng thời ra yêu cầu định giá đối với 02 tài sản nêu trên.

Tại bản kết luận số 41/KL-ĐG ngày 26/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Khoái Châu kết luận: giá trị của 01 Bộ đẩy Amply và 01 đầu điện tử tại thời điểm ngày 22/5/2020 có tổng trị giá là 2.667.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 02/6/2020, Cơ quan điều tra đã trao trả cho chị X 01 đầu đẩy Amply và 01 đầu điện tử vang số. Chị X đã nhận lại tài sản và không đề nghị A phải bồi thường gì. Anh Y không yêu cầu A phải bồi thường số tiền 1.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 64/CT-VKS - KC ngày 31/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố Nguyễn Văn A về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015.

Tại phiên toà hôm nay:

[1]. Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Khoái Châu giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo A như tại bản cáo trạng số 64/CT-VKS - KC ngày 31/7/2020 và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo A phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 của BLHS năm 2015; Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo A từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Ngoài ra, đại diện VKSND huyện Khoái Châu còn đề xuất đường lối xử lý về TNDS …

[2]. Bị cáo A nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu. Ngoài ra, bị cáo trình bày: Sau khi phạm tội bị cáo rất ăn năn hối cải nên đã điện thoại cho bà Đào Thị V (Mẹ đẻ của bị cáo) để nhờ bà V thay bị cáo xin lỗi và chuộc tài sản do bị cáo trộm cắp để trả lại cho chị X. Nói lời sau cùng, bị cáo A đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất.

[3]. Người bị hại chị Nguyễn Thị X trình bày quan điểm: Quan hệ giữa bị cáo và bị hại là quan hệ họ hàng. Trong cuộc sống hàng ngày bị cáo A cũng là người chịu khó làm ăn, lần phạm tội vừa qua chỉ là nhất thời, do vợ chồng bị cáo cãi nhau, vợ bị cáo bỏ đi nên bị cáo nghĩ quẩn chứ bản chất bị cáo chưa trộm cắp gì của ai bao giờ.

Về trách nhiệm dân sự: Chị X đã nhận lại đủ tài sản của mình nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất cứ chi phí nào.

Về trách nhiệm hình sự: Chị X đề nghị HĐXX xử bị cáo mức án thấp nhất và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có điều kiện lao động giúp đỡ gia đình.

[4]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị V trình bày quan điểm: Sau khi bị cáo A phạm tội đã rất hối hận nên đã gọi điện thoại cầu cứu bà, nhờ bà thay bị cáo xin lỗi bị hại, chuộc lại tài sản trả cho bị hại. Nên mặc dù tại biên bản lời khai của A Lê Văn Y ngày 22/5/2020, Anh Y không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 1.000.000đ mà Anh Y bỏ ra mua tài sản do A trộm cắp vì giá trị không đáng kể. Tuy nhiên, số tiền 1.000.000đ là tiền không chính đáng và bị cáo A đã nhờ bà trả cho Anh Y nên bà đã tự nguyện thay bị cáo trả cho Anh Y số tiền trên. Bà V cũng không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho bà số tiền này.

[5] Người làm chứng chị Lê Thị H trình bày giữ nguyên lời khai tại cơ quan tra, không bổ sung gì thêm.

[6] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan A Lê Văn Y và những người làm chứng ông Lê Văn Q và bà Đỗ Thanh L đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến

việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn A đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình như nội dung bản cáo trạng số 64/CT-VKS - KC ngày 31/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: Biên bản khám nghiệm hiện trường, đơn trình báo của bị hại, biên bản kết luận định giá tài sản, lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người bị hại là chị X; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Anh Y, lời khai của những người làm chứng là bà V, chị H, biên bản ghi lời khai của ông Q và bà L và tất cả các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 22/5/2020, tại thôn C, xã T, huyện Khoái Châu, Nguyễn Văn A đã có hành vi trộm cắp 01 Bộ đẩy Amply và 01 đầu điện tử vang số, có trị giá 2.667.000 đồng của chị Nguyễn Thị X. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn A theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 64/CT-VKS - KC ngày 31/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với anh Lê Văn Y: Khi mua anh Bộ đẩy Amply và đầu điện tử của A thì Anh Y không biết đây là tài sản do A trộm cắp mà có, Anh Y cũng không hứa hẹn gì với A về việc tiêu thụ số tài sản trên. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Anh Y là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội ở địa phương, bị cáo đã lợi dụng mối quan hệ quen biết, có họ hàng gần gũi, thường xuyên qua lại nên biết được một số thói quen của người bị hại, trong đó người bị hại có thói quen không đóng cửa tum nên bị cáo lợi dụng lúc bị hại không có nhà đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị

X giữa ban ngày thể hiện sự coi thường pháp luật. Động cơ mục đích phạm tội của bị cáo là vì vụ lợi cá nhân, muốn ăn chơi hưởng thụ trên mồ hôi công sức của người khác. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tương sứng với mức độ, hành vi phạm tôi của bị cáo.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo A đã tác động đến bà V (mẹ đẻ của bị cáo) để bà V tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị cáo; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người phạm tội thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được cải tạo tại địa phương; Bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và cải tạo tại địa phương được chính quyền xác nhận. Nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Từ những nhận định phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo A là người lao động nhất thời phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi thường trú, cụ thể rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và 2 Điều 51 của BLHS năm 2015, giữa bị cáo và người bị hại có quan hệ họ hàng gần gũi, người bị hại tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được cải tạo tại địa phương. Nên Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần áp dụng khoản 1,2,5 Điều 65 của BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo được tính nghiêm minh, đủ để răn đe, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện khai báo theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên Hội đồng xét xử thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu về mức hình phạt và điều luật áp dụng là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng khoản 5 Điều 173 của BLHS năm 2015 để phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Nguyễn Thị X đã nhận đủ tài sản mà A trộm cắp; Anh Y cũng đã nhận lại đủ 1.000.000đ đã bỏ ra mua tài sản

do bị cáo A trộm cắp mà có. Không ai có đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[7]. Về án phí: Buộc bị cáo A phải chịu án phí HSST là 200.000đ theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ**:** Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 khoản 1,2,5 Điều 65 của BLHS năm 2015; Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Tuyên bố**:** Bị cáo Nguyễn Văn A (Tức F) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn A 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/8/2020).

Giao bị cáo A cho UBND xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo A.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Không đặt ra giải quyết trọng vụ án này.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Về quyền kháng cáo*:* Áp dụng Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo bản án, phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/8/2020). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, phần bản

án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận
- *VKSND tỉnh HY;*
- *TAND tỉnh HY;*
- *Trại tạm giam CA tỉnh HY;*
- *VKSND huyện K/C;*
- *Chi cục THADS huyện K/C;*
- *UBND xã T;*
- *Bị cáo; người bị hại; Người LQ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*